

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HSST

Ngày: 30/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Vũ Anh Kiệt

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

NGUYỄN DUY V - Sinh năm: 1979 - Nơi sinh: Bình Thuận;

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố 7, phường H, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở: Số 35 đường 49, phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1954; Vợ: Lê Thị Hoàng Y, sinh năm: 1977 (Không có đăng ký kết hôn); Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án - Tiền sự: Không.

Hoạt động bản thân:

+ Ngày 12/12/1996, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Thuận (nay là TAND thành phố P, tỉnh Bình Thuận) xử phạt 03 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án số 103/HSST).

+ Ngày 24/12/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội: “Tàng trữ tiền giả” (Bản án số 158/2008/HSST).

+ Ngày 21/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 10 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, đồng thời tổng hợp hình phạt với bản án số 158 ngày 24/12/2008 của Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, buộc Nguyễn Duy V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 10 tháng tù (Bản án số 63/2010/HSST). Đến ngày 26/10/2012, Nguyễn Duy V

chấp hành xong án phạt tù (Giấy chứng nhận số 436/GCN-CHXHPT của Giám thị Trại giam Sông Cái).

Bị cáo bị bắt ngày **09/6/2018**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:**

1/ **Phan Thị Thu L**, sinh năm 1976 - Nơi cư trú: Khu phố 4, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

2/ **Văn Ngọc Thuỳ T**, sinh năm 1996 - Nơi cư trú: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

3/ **Bùi Thị H**, sinh năm 1962 - Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Lê Thị Hoàng Y, sinh năm: 1977 - Nơi cư trú: Số 35 đường 49, phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Duy V cùng với hai người bạn tên thường gọi là D và T (không biết chính xác nhân thân, lai lịch) bàn bạc việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản để chia nhau tiêu xài. Đối tượng bị cáo V và đồng bọn hướng đến là những người phụ nữ đi một mình, có đeo trang sức. Thủ đoạn là một người giả vờ đánh rơi tài sản (thẻ vàng giả, do D mua), một người nhặt được, rồi tiếp cận bị hại, dẫn dụ đến nơi vắng vẻ, nhờ đi bán giùm thẻ vàng giả để được trả công. Khi giao thẻ vàng giả cho bị hại đi bán, thì yêu cầu bị hại để lại tiền và trang sức làm tin, ngay khi bị hại vừa đi khỏi thì cả ba cùng nhanh chóng tẩu thoát cùng với tài sản chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, từ ngày 25/12/2016 đến 31/12/2016, tại địa bàn thị xã L, Nguyễn Duy V và đồng bọn đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 25/12/2016, tại khu vực chợ P, thị xã L, bị cáo Nguyễn Duy V và D phát hiện chị Phan Thị Thu L đi chợ về bằng xe đạp điện, có đeo trên tay một chiếc lắc bằng vàng, nên V và D thống nhất thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L. Sau đó, V điều khiển xe mô tô đi trước, còn D đi sau chị L theo hướng phường P qua phường B. Khi đến giữa cầu Tân Lý, V giả vờ đánh rơi 01 miếng vàng gói trong tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng. Ngay lúc này, D chạy đến nhặt thẻ vàng lên rồi tiếp cận chị L giả vờ hỏi có biết ai đánh rơi tài sản hay không, còn V thì quay lại nhận là tài sản mình đánh rơi và xin chuộc. V và D nhờ chị L làm chứng cho việc chuộc lại tài sản, hai đối tượng dẫn chị L đến đường hẻm bên hông kho sửa Toàn Thuận trên đường Nguyễn Trãi thuộc Khu phố 1, phường B. Tại đây, V nói miếng vàng của mình đánh rơi là 02 lượng, trị giá 70.000.000 đồng, xin D cho chuộc lại với số tiền 30.000.000 đồng. Theo đó, V nói không có sẵn tiền mặt nên đề nghị bán thẻ vàng này để lấy tiền trả công cho D và chị L nên đề nghị chị L đi bán

giúp thẻ vàng giả, để làm tin thì chị L phải để lại tài sản. Chị L đồng ý nên đưa cho V số tiền 5.000.000 đồng cùng với 01 chiếc lắc vàng, đồng thời D và V giao chìa khóa xe mô tô cho chị L. Ngay khi chị L vừa đi khỏi thì V và D dùng chìa khóa xe dự phòng đã chuẩn bị sẵn nhanh chóng tẩu thoát, cả hai đi về thành phố Hồ Chí Minh bán lắc vàng chiếm đoạt được của chị L chia nhau, mỗi người được khoảng 20.000.000 đồng (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt cộng với 35.000.000 đồng do D bán chiếc lắc).

Tại Kết luận định giá tài sản số: **54/KL-ĐGTS** ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L (Định giá qua hồ sơ), kết luận: 01 chiếc lắc đeo tay vàng tây (loại vàng 61%) có trọng lượng 20 chỉ. Giá trị định giá: 20 chỉ vàng tây x 1.870.000 đồng/chỉ = **37.400.000** đồng (giá vàng tại thời điểm ngày 25/12/2016, loại vàng 61%).

Vụ thứ hai: Sáng ngày 31/12/2016, bị cáo Nguyễn Duy V cùng với D và T đi bằng 03 xe mô tô từ thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực chợ P, thị xã L để thực hiện hành vi phạm tội. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi phát hiện chị Văn Ngọc Thùy T đi chợ về bằng xe mô tô, có đeo trên tay bộ còng ximen bằng vàng thì cả ba thống nhất lừa chị T để chiếm đoạt tài sản. Lần này, D là người đi trước giả vờ đánh rơi thẻ vàng giả, V đóng vai là người nhặt được tài sản, còn T đi sau để hỗ trợ khi cần thiết. Khi chị T đi trên đường Hoàng Hoa Thám hướng từ chợ P đến khúc cua rẽ về Khu phố 10, P thì Vũ theo sau tiếp cận, hỏi chị T có biết ai đánh rơi vàng hay không. Cùng lúc đó, D chạy xe mô tô quay lại nói là vàng của mình đánh rơi và xin chuộc. Tương tự như lần trước, V và D đi theo và dụ dẫn chị T vào một đường hẻm vắng người ở Khu phố 10, P. Tại đây, D nói nhờ chị T bán giúp miếng vàng để được trả công. Khi thấy chị T không đồng ý thì T xuất hiện, đóng giả là người đi đường và tác động để chị T đồng ý đi bán vàng. Sau một hồi khi thấy chị T đồng ý thì V liền lấy kèm đã chuẩn bị sẵn trong cốp xe, cắt lấy 07 chiếc còng ximen bằng vàng của chị Trang đeo trên tay, đồng thời giao cho chị T 01 chìa khóa xe mô tô. Khi chị T vừa đi khỏi thì cả ba người nhanh chóng tẩu thoát.

Tại Kết luận định giá tài sản số: **55/KL-ĐGTS** ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L (Định giá qua hồ sơ), kết luận: 01 bộ còng ximen (7 chiếc) vàng tây (loại vàng 61%) có trọng lượng 3c7,05 (Ba chỉ, bảy phần không năm ly). Giá trị định giá: 3c7,05 vàng tây x 1.900.000 đồng/chỉ = **7.039.500** đồng (giá vàng tại thời điểm ngày 31/12/2016, loại vàng 61%).

Vụ thứ ba: Sau khi lừa đảo lấy được tài sản của chị T như trên, bị cáo V cùng với tên D và T đi đường ĐT 719 để ra huyện H về lại thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến địa bàn xã T, thị xã L thì V phát hiện bà Bùi Thị H đang đi xe mô tô một mình, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng nên V nói với D tiếp tục giàn cảnh lừa đảo, còn T đi sau. Tương tự hành vi lừa chị T, lúc này D đi trước giả vờ đánh rơi miếng vàng giả còn V đi sau nhặt được. Vũ tiếp cận bà H, đưa thẻ vàng giả ra và hỏi có biết ai làm rơi không thì Du quay lại xin chuộc. Vũ và D dẫn bà H vào đường hẻm bên cạnh Trạm y tế Tân Hải, tại đây sau khi bà H đồng ý để lại sợi dây chuyền và cầm miếng vàng giả đi bán thì V và D cũng nhanh chóng tẩu thoát. Vụ lừa đảo này, T không tham gia. Khi về thành phố Hồ

Chí Minh, D đem bán 07 cồng ximen được hơn 5.000.000 đồng, bán sợi dây chuyền được hơn 15.000.000 đồng. Trong tổng số tiền này chia cho T 2.000.000 đồng, còn lại chia cho V và D, mỗi người được gần 10.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: **56/KL-ĐGTS** ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L (Định giá qua hồ sơ), kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng Y (loại vàng 98,5%) có trọng lượng 4,866 chỉ (Bốn chỉ, tám sáu sáu phân). Giá trị định giá: 4,866 chỉ vàng Y x 3.220.000 đồng/chỉ = **15.668.000** đồng (giá vàng tại thời điểm ngày 31/12/2016).

Sau khi biết mình bị lừa mất tài sản, chị L, T và bà H đã đến Công an địa phương trình báo và giao nộp lại vật chứng gồm 03 miếng kim loại màu vàng, 03 chìa khóa xe mô tô và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã gửi trung cầu giám định đối với 03 miếng kim loại màu vàng mà bị cáo Nguyễn Duy V cùng đồng bọn đưa cho các bị hại. Theo kết luận giám định số: 547/KLGD-PC54 ngày 15/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, kết luận: 03 mẫu kim loại gửi giám định không phải là vàng.

Về vật chứng vụ án: Xe mô tô bị cáo Vũ và đồng bọn sử dụng cũng như tài sản chiếm đoạt của các bị hại đều không thu hồi được. Đối với 03 miếng kim loại màu vàng, 03 chìa khóa xe mô tô và tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã L đã chuyển qua Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2018.

Về dân sự: Các bị hại Phan Thị Thu L, Văn Ngọc Thuỳ T và Bùi Thị H đã được chị Lê Thị Hoàng Y (vợ của bị cáo V) bồi thường đầy đủ, các bị hại không có yêu cầu bị cáo V bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 75/QĐ-VKS ngày 20/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Duy V về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy V như nội dung bản cáo trạng nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy V, phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Phạt bị cáo **Nguyễn Duy V**, mức án từ 03 đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên: Tịch thu tiêu huỷ **03** miếng kim loại màu vàng và **03** chìa khóa xe mô tô. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước **01** tờ mệnh giá 2.000 đồng.

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy V khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng VKSND thị xã L truy tố. Bị cáo không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thị Hoàng Y không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L.

- Bị cáo Nguyễn Duy V nói lời sau cùng: Bị cáo thấy được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã LaGi, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại Tòa, bị cáo Nguyễn Duy V thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ khẳng định: Đây là vụ án: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do bị cáo Nguyễn Duy V cùng đồng bọn (là D và T không biết chính xác nhân thân, lai lịch) cố ý thực hiện. Với thủ đoạn là một người giả vờ đánh rơi tài sản (thẻ vàng giả), một người nhặt được rồi tiếp cận bị hại, dẫn dụ bị hại đến nơi vắng vẻ, nhờ đi bán giùm thẻ vàng giả để được trả công. Khi giao thẻ vàng giả cho bị hại đi bán, thì yêu cầu bị hại lại tiền và trang sức để làm tin, ngay khi bị hại vừa đi khỏi thì cả ba cùng nhanh chóng tẩu thoát cùng với tài sản chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, từ ngày 25/12/2016 đến 31/12/2016, tại địa bàn thị xã L, bị cáo Nguyễn Duy V cùng đồng bọn đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ 25/12/2016, tại khu vực chợ P, thị xã L, bị cáo Nguyễn Duy V và tên D phát hiện chị Phan Thị Thu L có đeo một chiếc lắc bằng vàng trên tay, nên V điều khiển xe mô tô đi trước, còn D điều khiển xe mô tô đi sau chị L. Khi đến giữa cầu Tân Lý, thì V giả vờ đánh rơi 01 miếng vàng được gói trong tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng. Ngay lúc này, D chạy đến nhặt thẻ vàng lên rồi tiếp cận chị L giả vờ hỏi có biết ai đánh rơi tài sản hay không, còn V quay lại nhận là tài sản mình đánh rơi và xin chuộc. V và D nhờ chị Lang

làm chứng cho việc chuộc lại tài sản, cả hai dẫn chị L đến con đường hẻm bên hông kho sửa Toàn Thuận trên đường Nguyễn Trãi thuộc Khu phố 1, phường B. Tại đây, V nói miếng vàng của mình đánh rơi có trọng lượng 02 lượng, trị giá 70.000.000 đồng và xin D cho chuộc lại với số tiền 30.000.000 đồng. Đồng thời, V nói không có sẵn tiền mặt, đề nghị bán thẻ vàng này để lấy tiền trả công cho D và chị L, nên nhờ chị Lang đi bán giúp thẻ vàng giả, để làm tin chị Lang phải để lại tài sản, thì chị L đồng ý nên đưa cho V số tiền 5.000.000 đồng cùng với 01 chiếc lắc vàng, đồng thời V và D giao chìa khóa xe mô tô của mình cho chị Lang giữ. Khi chị L vừa đi khỏi thì V và D dùng chìa khóa xe dự phòng đã chuẩn bị sẵn nhanh chóng tẩu thoát về thành phố Hồ Chí Minh bán lắc vàng chiếm đoạt được của chị L chia nhau mỗi người được khoảng 20.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: **54/KL-ĐGTS** ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L (Định giá qua hồ sơ), kết luận: 01 chiếc lắc đeo tay vàng tây (loại vàng 61%) có trọng lượng 20 chỉ. Giá trị định giá: 20 chỉ vàng tây x 1.870.000 đồng/chỉ = **37.400.000** đồng (giá vàng tại thời điểm ngày 25/12/2016, loại vàng 61%).

Vụ thứ hai: Sáng ngày 31/12/2016, bị cáo Nguyễn Duy V cùng với D và T đi bằng 03 xe mô tô từ thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực chợ P với mục đích thực hiện hành vi phạm tội. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi phát hiện chị Văn Ngọc Thùy T có đeo trên tay bộ vòng ximen bằng vàng thì cả ba thống nhất lừa chị T để chiếm đoạt tài sản. D là người đi trước giả vờ đánh rơi thẻ vàng giả, V đóng vai là người nhặt được tài sản, còn T đi sau để hỗ trợ khi cần thiết. Khi chị T đi trên đường Hoàng Hoa Thám hướng từ chợ P đến khúc cua rẽ về Khu phố 10, P thì Vũ theo sau tiếp cận, hỏi chị T có biết ai đánh rơi thẻ vàng hay không. Cùng lúc đó, D chạy xe mô tô quay lại nói là vàng của mình đánh rơi và xin chuộc. Sau đó, V và D đi theo và dụ dẫn chị T vào một đường hẻm vắng người ở Khu phố 10, P. Tại đây, D nói nhờ chị T bán giúp miếng vàng để được trả công. Khi thấy chị T không đồng ý thì T xuất hiện, đóng giả là người đi đường và tác động để chị T đồng ý đi bán vàng. Sau một hồi khi thấy chị T đồng ý thì V liền lấy kèm chuẩn bị sẵn trong cốp xe, cắt lấy 07 chiếc vòng ximen bằng vàng của chị T đeo trên tay, đồng thời giao cho chị T 01 chìa khóa xe mô tô của mình. Khi chị T vừa đi khỏi thì cả ba người nhanh chóng tẩu thoát.

Tại Kết luận định giá tài sản số: **55/KL-ĐGTS** ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L (Định giá qua hồ sơ), kết luận: 01 bộ vòng ximen (7 chiếc) vàng tây (loại vàng 61%) có trọng lượng 3c7,05 (Ba chỉ, bảy phần không năm ly). Giá trị định giá: 3c7,05 vàng tây x 1.900.000 đồng/chỉ = **7.039.500** đồng (giá vàng tại thời điểm ngày 31/12/2016, loại vàng 61%).

Vụ thứ ba: Sau khi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T, trên đường tẩu thoát về lại thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến địa bàn xã T, thị xã L thì V phát hiện bà Bùi Thị H trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng, nên V nói với D tiếp tục giàn cảnh lừa đảo, lúc này D đi trước giả vờ đánh rơi miếng vàng giả, còn V đi sau nhặt được, rồi V tiếp cận bà H, đưa thẻ vàng giả ra và hỏi có biết ai làm rơi không, thì D quay lại xin chuộc. V và D dẫn bà H vào đường hẻm bên cạnh Trạm y tế Tân Hải, tại đây sau khi bà H đồng ý để lại sợi dây chuyền và cầm

miếng vàng giả đi bán, thì V và D cũng nhanh chóng tẩu thoát về thành phố Hồ Chí Minh, vụ lừa đảo này thì T không tham gia. Sau đó, D đem bán 07 cồng ximen được hơn 5.000.000 đồng, bán sợi dây chuyền được hơn 15.000.000 đồng, rồi cả ba chia nhau số tiền này, T được chia 2.000.000 đồng, còn Vũ và D mỗi người được gần 10.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: **56/KL-ĐGTS** ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L (Định giá qua hồ sơ), kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng Y (loại vàng 98,5%) có trọng lượng 4,866 chỉ (Bốn chỉ, tám sáu sáu phân). Giá trị định giá: 4,866 chỉ vàng Y x 3.220.000 đồng/chỉ = **15.668.000** đồng (giá vàng tại thời điểm ngày 31/12/2016).

Sau khi biết mình bị lừa mất tài sản, chị L, T và bà H đã đến Công an địa phương trình báo và giao nộp lại vật chứng gồm: 03 miếng kim loại màu vàng, 03 chìa khóa xe mô tô và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã gửi trung cầu giám định đối với 03 miếng kim loại màu vàng mà bị cáo Nguyễn Duy V cùng đồng bọn đưa cho các bị hại. Theo kết luận giám định số: 547/KLGĐ-PC54 ngày 15/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, kết luận: 03 mẫu kim loại gửi giám định không phải là vàng.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Duy V, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, bị cáo V cùng đồng bọn đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **65.107.500** đồng, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”. Đây là tình tiết định khung hình phạt của tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Duy V về tội danh, điều luật áp dụng như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Duy V, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe để lao động tạo thu nhập chính đáng, mặc dù bản thân bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã cùng với đồng bọn lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của các bị hại, để thực hiện hàng loạt vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Duy V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa, bản thân bị cáo V còn có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Thuận (nay là TAND thành phố P) xử phạt 03 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án số 103/HSST ngày 12/12/1996). Năm 2008, bị Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội: “Tàng trữ tiền

giả” (Bản án số 158 ngày 24/12/2008). Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 10 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, đồng thời tổng hợp hình phạt với bản án số 158 ngày 24/12/2008 của Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, buộc Nguyễn Duy V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 10 tháng tù (Bản án số 63/2010/HSST ngày 21/6/2010). Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích theo luật định, thế nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân, sống lương thiện, mà tiếp tục quay trở lại con đường phạm tội. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để răn đe giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Đối với hai người có tên D và T cùng với bị cáo Nguyễn Duy V thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do không biết chính xác nhân thân, lai lịch của hai đối tượng này, nên Cơ quan công an tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Duy V với 03 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên, mà mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo cũng đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường xong cho các bị hại về phần dân sự và được các bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với **03** miếng kim loại màu vàng; **03** chìa khóa xe mô tô. Xét, đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng, đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và truy tố, giữa các bị hại gồm: chị Phan Thị Thu L, chị Văn Ngọc Thuỳ T và bà Bùi Thị H với chị Lê Thị

Hoàng Y (vợ bị cáo Vũ) đã thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị hại vắng mặt, căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của các bị hại đều không yêu cầu bị cáo V bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy V, phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm g khoản 1 Điều 48; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy V **04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày **09/6/2018**.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu huỷ **03** miếng kim loại màu vàng, trong các phong bì niêm phong số 547/1, 547/2, 547/3 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và **03** chìa khóa xe mô tô.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước **01** tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng.

Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2018 giữa Cơ quan CSĐT công an thị xã L và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

[3] Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy V phải chịu **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình